

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn D - Phó Chủ

tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị làm người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 786/QĐ-UBND ngày 06-5-2020), có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị H2 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C; cùng nơi cư trú: Khu phố 7, phường Y1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông N có mặt; bà C vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N và bà C: Bà Trần Thị Hoàng M, nơi cư trú: Số 43 đường T2, khu phố 1, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2019), có mặt.

- Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số 01 Đường H2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức Ph - Phó Giám đốc phụ trách Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Diệu T đề ngày 15/10/2019 và ngày 29/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện trình bày:

Hộ gia đình bà T gồm bố là ông Lê Đăng N và mẹ là bà Hoàng Thị C, đang sử dụng nhà và đất tại khu phố 7, phường Y1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CM 511100 ngày 26/9/2019. Nguồn gốc thửa đất nói trên là do UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) tạm cấp từ năm 1981 (Quyết định 296/UB-QĐ ngày 20/5/1981) cho ông Lê Đăng N với diện tích 750m² (lúc đó bà T đã 03 tuổi); ngày 27/01/2003 UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ số W 422800 với diện tích 750m² đất ở và 1.095 m² đất vườn cho hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C, tại thời điểm này bà T là con gái duy nhất và có chung hộ khẩu trong gia đình cho đến ngày 18/3/2004 bà T lấy chồng và tách hộ về cư trú tại: Khu phố 3, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và chỉ để lại con trai sinh năm 2001 chung hộ khẩu với ông bà ngoại.

Ngày 26/9/2018 ông N và bà C thực hiện thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ số CM 511100 vẫn ghi hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C nên bà T đồng tình và không có ý kiến gì; ngày 10/10/2019 UBND thành phố Đ đính chính lại trang 04 GCNQSDĐ số CM 511100 như sau: “*Nội dung về đối tượng sử dụng đất tại giấy chứng nhận ghi “Hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C” có sai sót được đính chính lại là “Ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C”* theo biên bản kiểm tra ngày 04/10/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ nhưng chưa có ý kiến đồng tình của bà T là con duy nhất của ông bà đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của bà T.

Căn cứ khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định về khái niệm về hộ gia đình sử dụng đất như sau: “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình đang sống chung và có quyền sử dụng đất tại thời điểm được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất*”. Theo quy định trên bà T là con của ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C tại thời điểm Nhà nước cấp GCNQSDĐ số W 422800 cho hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C nên bà T có quyền sử dụng đất chung với bố mẹ mình.

Tại Điều 212 BLDS 2015 về sở hữu chung của các thành viên trong gia đình, tài sản thuộc tài sản chung của hộ gia đình thì các thành viên của hộ gia đình chiếm hữu và sử dụng tài sản chung của họ theo phương thức thỏa thuận. Khi định đoạt tài sản chung của hộ gia đình phải được sự đồng ý của các thành viên trong hộ khi các thành viên đó từ đủ 15 tuổi trở lên. Trong trường hợp này năm 2003 khi UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ số W 422800 cho hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C thì đã xác định là tài sản chung của hộ gia đình trong đó có bà T nên khi định đoạt tài sản sử dụng đất từ “Hộ” sang cá nhân mà chưa có ý kiến của bà T là vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Yêu cầu hủy nội dung tại trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 511100 ngày 26/9/2018 của UBND thành phố Đ cụ thể: “*Nội dung về đối tượng sử dụng đất tại giấy chứng nhận ghi “Hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C” có sai sót được đính chính lại là “Ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C” theo biên bản kiểm tra ngày 04/10/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ*”.

Tại văn bản số 2242/UBND-PTNMT ngày 22/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện UBND thành phố Đ trình bày:

Ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C sử dụng thửa đất tại khu phố 7, phường Y1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị có nguồn gốc được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp tại Quyết định số 296/QĐ-UB ngày 20/5/1981 cho ông Lê Đăng N với diện tích 750m². Theo sơ đồ địa chính năm 2002 của phường Y1, thị xã Đ thửa đất của ông N và bà C có vị trí tại: Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 21, với diện tích 2.157m².

Ngày 31/7/2002 ông Lê Đăng N có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên được UBND phường Y1 xác nhận ngày 06/9/2002; ngày 07/01/2003 UBND thị xã Đ đã cấp GCNQSDĐ số W 422800 cho hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C với diện tích 1.845 m² (trong đó 750m² đất ở, 1.095m² đất vườn) phần diện tích 312m² đất không cấp do nằm trong phần đường quy hoạch 09m đi qua.

Ngày 11/7/2018 ông Lê Đăng N có đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ và đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ đối với phần diện tích 312m² đất do bỏ đường quy hoạch đi qua thửa đất của gia đình. Theo bản đồ quy hoạch điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Y1 tỷ lệ 1/2000 đã được UBND thành phố Đ phê duyệt tại Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 29/9/2014, thửa đất có chức năng sử dụng là đất ở cũ cải tạo chỉnh trang. Trên cơ sở đó ngày 26/9/2018 UBND thành phố Đ đã cấp GCNQSDĐ số CM 511100 cho hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C với diện tích 2.157m² (trong đó 750m² đất ở, 1.407m² đất trồng cây hằng năm khác)

Ngày 08/3/2019 ông Lê Đăng N có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất, ngày 27/3/2019 UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số: 625/QĐ-UBND về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 250m² đất trồng cây hằng năm khác sang đất ở đô thị. Ngày 04/7/2019 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ đã xác nhận nội dung thay đổi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 511100.

Ngày 19/9/2019 ông Lê Đăng N có đơn đề nghị đính chính GCNQSDĐ với nội dung đề nghị đính chính lại chủ sử dụng đất từ “*Hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C*” thành “*Ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C*”. Qua kiểm tra hồ sơ và các tài liệu liên quan, nhận thấy thửa đất của ông N và bà C đang sử dụng có nguồn gốc được UBND thị xã Đ cấp tại Quyết định số 296/QĐ-UB ngày 20/5/1981 cho ông Lê Đăng N. Do đó, ngày 10/10/2019 UBND thành phố Đ đã đính chính nội dung về đối tượng sử dụng đất tại GCNQSDĐ số CM 511100 cho ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C.

Việc UBND thành phố cấp các GCNQSDĐ nêu trên và thực hiện đính chính vào GCNQSDĐ số CM 511100 cho ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 06/11/2019, biên bản bổ sung ý kiến ngày 24/12/2019 ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C trình bày:

Từ năm 1977 đến năm 1986 ông Lê Đăng N làm Giám đốc Xí nghiệp gạch ngói Vĩnh Đại, thấy cạnh khu vực 968 (nay là khu phố 7, phường Y1, thành phố Đ) có diện tích đất trống khoảng 2.000m² nên ông N đặt vấn đề xin đất làm nhà ở và canh tác, được sự đồng ý của các cấp chính quyền ông N đã nhờ người khai hoang phục hóa toàn bộ khuôn viên; ngày 20/5/1981 ông N được UBND thị xã Đ tạm cấp 750m² đất ở theo quyết định số 296/QĐ-UB. Năm 1983 sau khi làm lán trại xong ông N đưa vợ là bà Hoàng Thị C và con gái là Lê Thị Diệu T vào tiến hành xây dựng nhà ở.

Vào những năm 2000 - 2002 UBND thị xã Đ tiến hành đo đạc diện tích đất của các hộ gia đình và cá nhân trên toàn thị xã, theo kết quả đo đạc thì diện tích đất thực tế của ông N trên 2.000m² nhưng do trừ phần quy hoạch nên ông N được sử dụng là 1.845m². Khi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất ông N đã

kê khai đăng ký tên của 02 vợ chồng gồm Lê Đăng N và vợ Hoàng Thị C. Ngày 27/01/2003 UBND thị xã Đ cấp Quyết định số: 207/QĐ-UB và GCNQSDĐ số W 422800, diện tích 1.845m² (trong đất ở 750m², đất vườn 1.095m², tên người sử dụng đất: Hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C. Do không am hiểu về pháp luật về đất đai nên vợ chồng ông N không biết về việc cấp GCNQSDĐ trên có sai sót về người sử dụng đất.

Năm 2018 do quy hoạch thay đổi, vợ chồng ông N làm thủ tục xin cấp đổi lại GCNQSDĐ; ngày 26/9/2018 UBND thành phố Đ cấp lại GCNQSDĐ số CM 511100 thửa số 144, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.157m² (trong đó đất ở là 750m², đất trồng cây hàng năm khác 1.407m²) tên người sử dụng đất: Hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C. Ngày 27/3/2019 ông N đã được UBND thành phố Đ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ 250m² đất trồng cây hàng năm sang đất ở.

Sau khi nghiên cứu các văn bản pháp luật về đất đai ông N và bà C thấy UBND thị xã Đ cấp Quyết định số: 207/QĐ-UB và GCNQSDĐ số W 422800 ngày 27/01/2003 mang tên người sử dụng đất: Hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C là chưa phù hợp với quy định của pháp luật vì đây là tài sản của vợ chồng ông N và bà C đã được Nhà nước công nhận và cấp quyết định cho cá nhân ông N vào năm 1981. Ông N và bà C đã làm đơn đề nghị đính chính tên người sử dụng đất từ hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C sang ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C và đã được UBND thành phố Đ cho phép. UBND thành phố Đ đã đính chính tên người sử dụng đất tại trang 04 GCNQSDĐ số CM 511100 ngày 26/9/2019 từ hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C sang tên ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C là đúng quy định của pháp luật về đất đai và nguồn gốc sử dụng đất của vợ chồng ông N và bà C. Do đó không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện của bà Lê Thị Diệu T.

Ngoài ra 02 vợ chồng ông N và bà C có con gái là Lê Thị Diệu T đã chăm sóc và nuôi dưỡng và xin việc làm ổn định cho đến nay. Sau khi con gái xây dựng gia đình ông N và bà C đã mua cho bà T 01 căn hộ tập thể của cán bộ công đoàn tỉnh với diện tích 120m² tại số 04 đường P2, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị với số tiền mua nhà và sửa chữa lên đến 300.000.000đồng, sau đó Thúy bán với giá 950.000.000đồng; vợ chồng ông N đã cho bà T lô đất với diện tích 455m² tại GCNQSDĐ số Đ 608056 do UBND huyện Gio Linh cấp ngày 25/5/2004; ông N và bà C và đã chăm sóc, chu cấp cho con gái đầy đủ hơn cuộc sống của mình.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 22/5/2020 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ trình bày:

Thửa đất ông N và bà C được UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) ban hành Quyết định số 296/QĐ-UB ngày 20/5/1981 về việc tạm cấp đất xây dựng kiến trúc cho ông Lê Đăng N, đã được UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận số W 422800 ngày 27/01/2003 cho hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C với diện

tích 750m² đất ở đô thị và 1.095m² đất vườn. Năm 2018 hộ ông N và Cam thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận xin công nhận thêm 312m² do thay đổi quy hoạch đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận số CM 511100 ngày 29/6/2018 với diện tích 750m² đất ở và 1.409m² đất trồng cây hằng năm khác. Ngày 04/7/2019 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ đã thực hiện chỉnh lý trang 03 Giấy chứng nhận với nội dung chuyển mục đích sử dụng từ 250m² đất trồng cây hằng năm khác sang đất ở tại đô thị theo Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của UBND thành phố Đ theo hồ sơ số 004.215.CM.001.

Ngày 19/9/2019 ông N và bà C có đơn đề nghị đính chính GCNQSDĐ với nội dung đề nghị đính chính lại chủ sử dụng đất tại Giấy chứng nhận số CM 511100 từ “*Hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C*” sang “*Ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C*” được UBND phường Y1 xác nhận. Qua nội dung đơn, hồ sơ lưu trữ và đơn đề nghị đính chính GCNQSDĐ đã UBND phường Y1 xác nhận căn cứ điểm s khoản 1 Điều 17, khoản 17 Điều 18 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh tiến hành thẩm tra hồ sơ trình Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, ngày 8/10/2019 Phòng Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định hồ sơ UBND thành phố Đ đính chính GCNQSDĐ cho công dân ngày 10/10/2019.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy nội dung tại trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 511100 ngày 26/9/2018 của UBND thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị khởi kiện: UBND thành phố Đ cấp các GCNQSDĐ và thực hiện đính chính vào GCNQSDĐ số CM 511100 cho ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C: UBND thành phố Đ đính chính tên người sử dụng đất tại trang 04 GCNQSDĐ số CM 511100 ngày 26/9/2019 từ hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C sang tên ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C là đúng quy định của pháp luật về đất đai và nguồn gốc sử dụng đất. Do đó không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện của bà Lê Thị Diệu T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, 2 Điều 158, điểm b khoản 1 Điều 168; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 86 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 3 Điều 10 Thông tư số: 24/2014/BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 5;

điểm s khoản 1 Điều 17; khoản 17 Điều 18 Thông tư số: 23/2014 BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diệu T đối với yêu cầu hủy nội dung tại trang 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 511100 ngày 26/9/2018 của UBND thành phố Đ cụ thể: “*Nội dung về đối tượng sử dụng đất tại giấy chứng nhận ghi “Hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C” có sai sót được đính chính lại là “Ông Lê Đăng N và Hoàng Thị C” theo biên bản kiểm tra ngày 04/10/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ*”

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29-11-2019, người khởi kiện bà Lê Thị Diệu T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lê Thị Diệu T là ông Trần Văn Th và bà Phạm Thị X đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Diệu T. Sửa Bản án số 01/2020/HC-ST ngày 26-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Diệu T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người có quyền, nghĩa vụ liên quan; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng và văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đ và người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ đều có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền ban hành và tính hợp pháp của quyết định: Bà Lê Thị Diệu T làm đơn yêu cầu hủy nội dung tại trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 511100 ngày 26-9-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 27-01-2003 mang tên hộ ông Lê Đăng N, bà Hoàng Thị C sang tên ông Lê Đăng N, bà Hoàng Thị C. Ngày 10-10-2019, Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã đính chính nội dung về đối tượng sử dụng đất tại GCNQSDĐ số CM 511100 cho ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11-11-2011; khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993, khoản 1 Điều 105 Luật đất đai năm 2013; điểm s khoản 1 Điều 17, khoản 17 Điều 18 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[3] Nguồn gốc diện tích khoảng 2.000m² tại khu phố 7, phường Y1, thành phố Đ do ông Lê Đăng N đã nhờ người khai hoang phục hóa toàn bộ khuôn viên đất. Ngày 20-5-1981, ông Lê Đăng N được Ủy ban nhân dân thị xã Đ tạm cấp 750m² đất ở theo quyết định số 296/QĐ-UB. Năm 1983, sau khi làm lán trại xong ông N đưa vợ là bà Hoàng Thị C và con gái Lê Thị Diệu T vào sinh sống tại thửa đất trên. Ngày 31-7-2002, ông Lê Đăng N có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Y1 ngày 06-9-2002. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị xã Đ cấp GCNQSDĐ số W 422800 ngày 27-01-2003 cho hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C với diện tích 1.845m² (đất ở 750m², đất vườn 1.095m²) mang tên người sử dụng đất hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C. Năm 2018, hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận xin công nhận thêm 312m² do thay đổi quy hoạch đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận số CM 511100 ngày 29-6-2018 với diện tích 750m² đất ở và 1.409m² đất trồng cây hằng năm khác. Khi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, ông Lê Đăng N cho rằng việc kê khai, đăng ký tên của 02 vợ chồng gồm Lê Đăng N và vợ Hoàng Thị C là chưa phù hợp vì là quyền tài sản của cá nhân ông Lê Đăng N được Nhà nước giao đất năm 1981 nên ông và bà Hoàng Thị C làm đơn đề nghị đính chính tên người sử dụng đất từ hộ ông Lê Đăng N, bà Hoàng Thị C sang ông Lê Đăng N, bà Hoàng Thị C để thuận tiện giao dịch dân sự. Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã đính chính tên người sử dụng đất tại trang 04 GCNQSDĐ số CM 511100 ngày 26-9-2019 từ hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C sang tên ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C là đúng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

[4] Quá trình tố tụng, bà Lê Thị Diệu T con gái của ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C không đồng ý việc đính chính GCNQSDĐ số CM 511100 vì cho rằng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T nên đã làm đơn khiếu nại. Xét, tại thời điểm năm 1981 khi ông Lê Đăng N được cấp giấy chứng nhận bà Lê Thị Diệu T mới chỉ 3- 4 tuổi. Sau khi lớn lên, bà T lấy chồng đã tách khẩu về cư trú tại Khu phố 3, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C đã xây dựng 01 căn nhà tại thành phố Đ, tỉnh Quảng trị tặng cho bà T... Hiện tại, ông Lê Đăng N, bà Hoàng Thị C đều đã già và đang sống ở căn nhà riêng không phụ thuộc con, cháu. Việc Ủy ban nhân dân thành phố Đ đính chính tại trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 511100 ngày 26-9-2018 từ hộ ông Lê Đăng N, bà Hoàng Thị C sang tên ông Lê Đăng N, bà Hoàng Thị C là đúng pháp luật đất đai.

Từ phân tích trên, Hội đồng thấy rằng không có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Diệu T. Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Diệu T không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Diệu T. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 26-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tuyên xử:

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 86 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 24/2014/BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 5; điểm s khoản 1 Điều 17; khoản 17 Điều 18 Thông tư số: 23/2014 BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị Diệu T đối với yêu cầu hủy nội dung tại trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 511100 ngày 26-9-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, cụ thể: *Nội dung về đối tượng sử dụng đất tại giấy chứng nhận ghi “Hộ ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C” có sai sót được đính chính lại là “Ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị C” theo biên bản kiểm tra ngày 04/10/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ.*

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 349 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Diệu T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 000726 ngày 16-6-2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 05-11-2020./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu